



shōu dào

收到

Verb · to receive

Example Sentences

wǒ shōu dào le nǐ de xùn xī
我收到了你的讯息。

I received your message.

wǒ zuó tiān shōu dào le péng you de lǐ wù
我昨天收到了朋友的礼物。

I received a gift from my friend yesterday.

shōu dào lǐ wù wǒ hěn gāo xìng
收到礼物我很高兴。

I am happy to receive the gift.

Trace each character, then write the word on your own.

收 收 收 收 收 收 收 收 收

到 到 到 到 到 到 到 到 到 到 到